TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Duy Phu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hanh
2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2019/TLST - HNGĐ ngày 19/6/2019 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. Người làm chứng: Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: Thôn B1, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn M đăng ký kết hôn ngày 23/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán

địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh M được thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh M thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông. Mỗi lần uống rượu say, anh M chửi bới, đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong gia đình. Công an xã L nhiều lần phải can thiệp. Thậm chí, anh M còn đến công ty nơi chị làm việc gây rối, đánh ghen làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Chị và anh M có hai con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 29/11/ 2002; Bùi Văn B, sinh ngày 26/ 8/2005. Hiện nay, hai con đang ở với hai vợ chồng. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi. Lý do chị đề nghị được nuôi cả hai con là vì anh M không có công ăn việc làm, không có thu nhập, thường xuyên say sỉn có hành vi bạo lực gia đình, ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của các con. Bản thân chị làm công nhân thu nhập từ 7 - 8.000.000 đồng/tháng, thời gian rảnh rỗi chị còn có thu nhập thêm từ sản xuất nông nghiệp nên tương đối ổn định. Nếu chị được nuôi cả hai con, bố mẹ chị đồng ý hỗ trợ cả về kinh tế lẫn tinh thần để nuôi dạy các con trưởng thành tốt. Hai con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với chị.

Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng không yêu cầu giải quyết. Nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, chị xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Văn M đến Tòa án làm việc, nhưng anh M vắng vặt không có lý do, Tòa án không lấy được lời khai của anh M.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, bà Bùi Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị H. Chị H và anh M kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với gia đình chồng và đều làm nông nghiệp. Anh M là người nghiện rượu, lười lao động nên kinh tế do chị H phải lo toàn bộ. Anh M không chịu đi làm để lấy tiền nuôi con mà còn nhiều lần đánh đập chị H. Lúc đầu, chị H giấu không cho gia đình biết. Do vợ chồng đánh nhau nhiều nên hàng xóm nói chuyện với bà. Bà có hỏi thì được chị H kể lại anh M thường xuyên đánh chị H, có lần đánh chảy cả máu đầu phải ra trạm y tế xã khâu vết thương. Bà đã khuyên chị H về gia đình ở để giữ tính mạng nhưng chị H thương con không chịu về. Anh M rất ít đến gia đình nhà vợ, nếu có đến thì thái độ không tôn trọng.

Chị H, anh M có hai con chung là cháu N và cháu B. Hai cháu đang ở với chị H. Về tài sản, bà không biết chị H và anh M có tài sản chung gì không. Nay chị H xin ly hôn anh M, đề nghị được nuôi cả hai con. Để đảm bảo tính mạng và

ổn định cuộc sống cho chị H, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị H. Nếu chị H được nuôi cả hai con, bà tạo điều kiện cho chị H cả về kinh tế và chăm sóc để chị H có điều kiện nuôi các con được tốt nhất.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/7/2019, Bà Bùi Thị X chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Đ và ông Đoàn Văn Th trưởng thôn Đ cung cấp:

Anh M và chị H kết hôn năm 2001. Hiện nay, anh chị có hộ khẩu và đang sinh sống ở thôn Đ, xã L. Vào khoảng tháng 10/2018, anh M đã đánh chị H và sau này còn nhiều lần khác nữa, công an xã phải vào can thiệp. Anh M không có nghề nghiệp chỉ ở nhà. Để đảm bảo tính mạng cho chị H, tránh bạo lực gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/7/2019, Công an xã L cung cấp:

Khoảng 20 giờ 5 phút ngày 09/7/2019, công an xã nhận được tin báo của người dân anh M, chị H đánh nhau. Công an xã đã cử 04 công an viên vào nhà anh M. Khi đến, thấy anh M chửi chị H, xúc phạm chị H. Chị H đang ngồi khóc ở cửa, tóc bung rối. Chị H kể trước khi công an đến, anh M đã đánh và tát chị. Đây là lần thứ ba Công an xã phải vào nhà anh M, chị H can thiệp. Lần đầu vào khoảng tháng 12/2018 âm lịch; lần thứ hai khoảng tháng 3/2019 dương lịch. Cả ba lần đều có tin báo của người dân. Do thấy tính chất nguy hiểm, công an xã đã khuyên chị H về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống nhưng chị H thương con chưa muốn đi. Theo chị H trình bày: Anh M thường xuyên đánh chửi, chị vô cớ nhiều lần. Chị không báo công an nhưng hàng xóm thấy chị nguy hiểm nên báo giúp chị. Chị H nhờ công an khuyên giải anh M. Công an xã đã khuyên can, nhắc nhở nhưng anh M không thay đổi.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn M;

- Về con chung: Giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù, Tòa án không lấy được lời khai của anh M để làm rõ quan điểm của anh M về yêu cầu xin hôn của chị H. Tuy nhiên, căn cứ vào sự xác nhận của công an xã, trưởng thôn, chi hội trưởng Chi hội phụ nữ xóm Đ nơi anh M, chị H cư trú, lời khai của bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của chị H đều xác nhận anh M thường xuyên uống rượu, say sỉn, chửi bới, đánh đập vợ, công an xã phải vào nhà can thiệp, giáo dục, nhắc nhở nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Sự xác nhận của chính quyền địa phương hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H và thực tế anh M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng không đến. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H với anh M đã thực sự trầm trong, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh M không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H đề nghị được nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H là công nhân thu nhập từ 7-8.000.000 đồng. Ngoài ra, chị H còn có thu nhập thêm từ sản xuất nông nghiệp, mặc dù không cao cũng tương đối ổn định. Mặt khác, chị còn được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ăn ở, kinh tế để ổn định cuộc sống sau ly hôn. Trong khi đó anh M không có nghề nghiệp, không có thu nhập, thường xuyên say xỉn và có hành vi bạo lực gia đình, dù ít nhiều cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý và sự phát triển bình thường của hai con chung. Bản thân cháu Bùi Thị N, Bùi Văn B đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung và điều kiện mọi mặt của chị H, việc giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Chị H không yêu cầu, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H ly hôn anh Bùi Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Bùi Thị N, sinh ngày 29/ 11/2002; Bùi Văn B, sinh ngày 26/8/2005 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000495 ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo**:** Chị H, anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Duy Phu